

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

Số: 3327 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Khánh Hòa, ngày 19 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động
môi trường dự án “Khu phức hợp Mũi Cỏ - Bãi Rạn” tại đảo Hòn Tre,
phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025, Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 và Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19 tháng 5 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2167/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện một số nội dung công việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Khu phức hợp Mũi Cỏ - Bãi Rạn” tại đảo Hòn Tre, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa của Công ty Cổ phần Vinpearl tại Văn bản số 74NT/CV-VP/2026 ngày 03 tháng 8 năm 2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 690/TTr-SNNMT-CCKSBVMT ngày 15 tháng 9 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Khu phức hợp Mũi Cỏ - Bãi Rạn” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Vinpearl (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại đảo Hòn Tre, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026; đồng thời, thực hiện công khai Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM theo quy định trước khi triển khai thực hiện các hạng mục của Dự án.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng thẩm định¹: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và kết quả thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án tại Điều 1 của Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan; đồng thời, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan để giám sát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường theo đúng nội dung đã được phê duyệt. Nếu phát hiện vi phạm, xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Nha Trang; Công ty Cổ phần Vinpearl và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này../.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- VPUB: LĐVP, KT;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND phường Nha Trang;
- Công ty Cổ phần Vinpearl;
- Lưu: VP.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Huyền

¹ Theo Quyết định số 1049/QĐ-SNNMT ngày 06/7/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN KHU PHỨC HỢP MŨI CỎ - BÃI RẠN

(Kèm theo Quyết định số 3327...../QĐ-UBND ngày 19... tháng 9.... năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khu phức hợp Mũi Cỏ - Bãi Rạn.
- Địa điểm thực hiện: đảo Hòn Tre, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty Cổ phần Vinpearl

1.2. Quy mô, công suất

- Tổng diện tích dự án khoảng 124,69 ha
- Quy mô dân số: khoảng 764 người. Khách du lịch khoảng 700 lượt khách/ngày đêm.

(Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh Khánh Hòa tại Quyết định số 341/QĐ-UBND, cấp lần đầu ngày 13 tháng 02 năm 2025)

1.3. Phạm vi

1.3.1. Các hạng mục công trình chính

- Một trăm chín mươi một (191) căn nhà ở dạng biệt thự cao tối đa 4 tầng tại các lô đất có ký hiệu từ OM-1 đến OM-4 và từ OM-5-1 đến OM-5-36 với tổng diện tích đất 173.734 m².
- Hai trăm mười một (211) căn biệt thự du lịch cao tối đa 3 tầng tại các ô đất có ký hiệu từ DVDL-1 đến DVDL-4, từ DVDL-5-1 đến DVDL-5-36 với tổng diện tích đất là 177.294,3 m².
- Hai (02) công trình dịch vụ công cộng cao tối đa 4 tầng tại ô đất ký hiệu CCDV-1 và CCDV-2 với diện tích đất là 31.233,7 m².
- Một (01) công trình thương mại cao tối đa 4 tầng tại ô đất ký hiệu OTM với diện tích đất là 4.583,1 m².
- Một (01) công trình y tế cao tối đa 3 tầng tại ô đất ký hiệu OYT với diện tích đất là 500 m².
- Một (01) Trường tiểu học tại lô đất ký hiệu OGD-1 và Hai (02) Trường Mầm non tại các lô đất ký hiệu OGD-2 và OGD-3 cao tối đa 3 tầng với tổng diện tích 4.218,6 m².

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

Hạ tầng kỹ thuật: san nền (tôn trọng tối đa địa hình tự nhiên), giao thông, cấp nước, cấp điện và chiếu sáng, thông tin liên lạc, thoát nước mưa, thoát nước thải, công viên cây xanh, bãi đỗ xe, ... Trong đó: Bốn (04) công trình hạ tầng kỹ

thuật với tổng diện tích là 73.680,9 m² tại các lô đất có ký hiệu từ HTKT-1 đến HTKT-3 có chiều cao tối đa là 2 tầng, lô đất HTKT-4 có chiều cao tối đa là 05 tầng; Mạng lưới đường giao thông trong phạm vi dự án (bao gồm vỉa hè, lề đường, hệ thống đèn chiếu sáng, ...) với tổng diện tích khoảng 121.543 m²; Đất cây xanh sử dụng công cộng tại các lô đất có ký hiệu OCX, từ CXCQ-1 đến CXCQ-5, từ CX-1 đến CX-7 với tổng diện tích khoảng 487.860,4 m²; Một (01) bãi đỗ xe tại lô đất có ký hiệu BXE với tổng diện tích đất là 32.038,8 m²; Đất bãi cát tại lô đất có ký hiệu BC với tổng diện tích đất là 1.567,5 m²; Đất hồ, ao, đầm có ký hiệu MN với tổng diện tích đất là 138.608,4 m²

1.3.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Bố trí 10 nhà vệ sinh di động phục vụ công nhân tại công trường; bố trí 02 hố lắng 02 ngăn để thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động rửa xe, vệ sinh máy móc, thiết bị thi công, nước sau xử lý được tuần hoàn, tái sử dụng, không xả ra môi trường; bố trí hệ thống rãnh thu gom nước mưa chảy tràn qua khu vực công trường và các hố lắng trước khi thoát ra môi trường; bố trí khu vực thu gom, lưu giữ tạm thời chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định.

- Giai đoạn vận hành:

+ Hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải có tổng chiều dài khoảng 12.260,3 mét với 409 hố ga;

+ Hệ thống thu gom, thoát nước thải có tổng chiều dài khoảng 10.055 mét với 230 hố ga;

+ Ba (03) trạm bơm nước thải có công suất lần lượt 350 m³/ngày, 140 m³/ngày và 360 m³/ngày.

+ Một (01) trạm xử lý nước thải tập trung công suất 850 m³/ngày.

+ Một (01) điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt diện tích 120 m².

+ Một (01) kho lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 15 m².

1.3.4. Các hoạt động của dự án đầu tư

- Giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng: Hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng; hoạt động nổ mìn, đào đắp, san lấp mặt bằng phục vụ thi công các công trình của Dự án; hoạt động thi công, xây dựng các hạng mục công trình của Dự án; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, đá thải và chất thải phục vụ thi công.

- Giai đoạn vận hành: Hoạt động vận hành các công trình biệt thự, dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng, trường học, trạm y tế, công trình thương mại và dịch vụ công cộng; hoạt động vận hành trạm xử lý nước thải, điểm tập kết chất thải rắn, hệ thống thu gom, thoát nước mưa và hệ thống thu gom, thoát nước thải.

1.3.5. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư không thuộc

phạm vi đánh giá tác động môi trường:

- Bến thủy nội địa, cầu dẫn, khu neo đậu, sà lan và các công trình tiếp giáp biển không thuộc Dự án; hoạt động lắp đặt cầu cảng tạm theo Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 28/8/2025 của UBND phường Nha Trang về việc công bố hoạt động bến thủy nội địa;

- Tác động đến môi trường của các hoạt động phát quang dọn dẹp mặt bằng, san nền triển khai trước khi có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có sử dụng khoảng 0,5 ha rừng tự nhiên; toàn bộ Dự án thuộc danh lam thắng cảnh quốc gia Vịnh Nha Trang; có khoảng 60,48 ha diện tích đất thuộc Khu bảo tồn biển Vịnh Nha Trang.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công:

- Hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng, thi công xây dựng; hoạt động nổ mìn, đào đắp, san lấp mặt bằng phục vụ thi công các công trình phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, rung chấn, thực bì, đất đá thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước mưa chảy tràn... gây ô nhiễm không khí, nước biển ven bờ, nguy cơ gây sạt lở, xói mòn, cuốn trôi đất đá ra biển, thay đổi địa hình, tác động tới hệ sinh thái biển và hệ sinh thái trên cạn đảo Hòn Tre khu vực dự án.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất đá thải, chất thải phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, gây cản trở, mất an toàn giao thông;

2.2. Giai đoạn hoạt động

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng; mùi phát sinh từ hệ thống thoát nước thải, các trạm bơm nước thải, trạm xử lý nước thải, các vị trí đặt thùng chứa thu gom chất thải và khu vực tập kết tạm thời chất thải rắn.

- Hoạt động của dân cư, khách du lịch; hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng và các hoạt động khác của Dự án phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống thu gom, thoát nước mưa, hệ thống thu gom, thoát nước thải, bể tự hoại, trạm xử lý nước thải và hoạt động nạo vét hồ Bãi Rạn.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân và nhân viên phục vụ tại công trường, với lưu lượng tối đa khoảng 48 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, BOD₅, tổng N, tổng P, Coliform.

- Nước thải rửa xe, máy móc, thiết bị: phát sinh trong quá trình vệ sinh phương tiện, thiết bị thi công, với lưu lượng khoảng 14,5 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, tổng dầu mỡ khoáng.

- Nước mưa chảy tràn: phát sinh trên bề mặt công trường thi công, với lưu lượng cực đại khoảng 124.214 m³/ngày (phụ thuộc cường độ mưa). Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, dầu mỡ.

- Khí thải: Phát sinh từ các hoạt động chuẩn bị mặt bằng, nổ mìn, thi công các hạng mục công trình và vận chuyển nguyên vật liệu, đất, đá thải, chất thải; thành phần chủ yếu là bụi và khí thải từ động cơ. Thông số ô nhiễm đặc trưng: bụi, SO_x, NO_x, CO.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động hàn, kết nối các kết cấu. Thông số ô nhiễm đặc trưng là: CO, NO_x.

- Bụi phát sinh từ 02 trạm nghiền sàng và các bãi chứa sản phẩm sau nghiền sàng.

- Hơi dung môi phát sinh từ hoạt động sơn tường.

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn thông thường từ phá dỡ công trình: phát sinh từ hoạt động phá dỡ công trình hiện hữu trong phạm vi giải phóng mặt bằng với khối lượng khoảng 6.335,82 tấn, gồm: sắt, thép, xà bần, bê tông, ...

- Sinh khối từ dọn dẹp mặt bằng: phát sinh trong quá trình phát quang, dọn dẹp mặt bằng thi công với khối lượng khoảng 16,1 tấn, gồm: thực bì, cây, cành, lá.

- Đất đá dư thừa từ hoạt động san nền khoảng 487.953,36 m³. Thành phần chủ yếu: đất, đá.

- Chất thải rắn thông thường từ hoạt động thi công: phát sinh trong quá trình thi công các hạng mục công trình với khối lượng khoảng 0,502 tấn/ngày, gồm: sắt, thép vụn, cát, đá, bao bì vật liệu, ...

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động nạo vét hệ thống thoát nước mưa tạm trong giai đoạn thi công khoảng 0,88 tấn/tháng. Thành phần chủ yếu: Bùn, đất, cát.

- Chất thải rắn phát sinh trong quá trình trồng cây, cỏ trong giai đoạn thi công khoảng 82,3 tấn. Thành phần chủ yếu: Vỏ cây, cành cây, rễ, bao nilon, bao bì phân bón, chậu nhựa, đất thừa.

- Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân tại công trường với khối lượng khoảng 0,4 tấn/ngày, gồm: thức ăn thừa, rau củ, bao bì, chai lọ, hộp đựng thực phẩm, giấy, ...

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng các máy móc, thiết bị thi công khoảng 373 kg/tháng. Thành phần chủ yếu: dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu, ốc quy thải, dụng cụ quét sơn, hộp đựng sơn, bao bì thuốc bảo vệ thực vật.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

Hoạt động nổ mìn, thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải; hoạt động khoan hàn, cắt, đào, đầm, nghiền sàng đá phát sinh tiếng ồn và rung chấn, có khả năng ảnh hưởng đến công nhân thi công tại công trường và các khu dịch vụ du lịch lân cận.

3.1.4. Các tác động khác

Hoạt động tập trung đông công nhân tại công trường có thể ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội trong khu vực dự án nếu không được quản lý chặt chẽ.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt của cư dân, các du khách, cán bộ công nhân viên trong các khu biệt thự ở, dịch vụ du lịch, hạ tầng xã hội thuộc Dự án với lưu lượng khoảng 850 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng là: TSS, BOD₅, Amoni, Nitrat, Phosphat, dầu mỡ động thực vật, Coliforms.

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực Dự án với lưu lượng lớn nhất là 214.803 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS.

- Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào Dự án và từ khu vực bãi đỗ xe, máy phát điện dự phòng. Thông số ô nhiễm đặc trưng là: TSP, SO₂, NO_x, CO.

- Khí thải phát sinh từ khu vực tập kết tạm thời chất thải rắn sinh hoạt, trạm xử lý nước thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng là: CH₄, H₂S, NH₃.

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dân cư, cán bộ công nhân viên, khách du lịch với khối lượng khoảng 2,28 tấn/ngày. Thành phần chủ yếu: Thực phẩm thừa, túi nilon, giấy vụn, vỏ hộp kim loại, thủy tinh.

- Chất thải phát sinh từ hoạt động chăm sóc, cắt tỉa cây xanh cảnh quan khoảng 19,6 tấn/năm. Thành phần chủ yếu: Cành cây, cỏ dại.

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động bón phân chăm sóc cây xanh, cỏ khoảng 0,49kg/ ngày. Thành phần chủ yếu: bao bì chứa phân bón.

- Bùn thải phát sinh từ hoạt động nạo vét bề tự hoại khoảng 292 m³/năm. Thành phần chủ yếu: bùn.

- Bùn thải phát sinh từ hoạt động nạo vét hệ thống thoát nước mưa khoảng 4,3 tấn/năm. Thành phần chủ yếu: Bùn, đất, cát, lá cây.

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động nạo vét hồ Bãi Rạn khoảng 20.301 m³/năm. Thành phần chủ yếu: Bùn, đất, cát.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động vận hành các khu biệt thự, dịch vụ nghỉ dưỡng, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật.. khoảng 8.322 kg/năm. Thành phần chủ yếu: Hộp mực in thải, các loại pin, ắc quy thải, hóa chất.

- Chất thải nguy hại phát sinh hoạt động của trạm y tế khoảng 456 kg/năm. Thành phần chủ yếu: Kim tiêm, bông gạc dính máu, chất thải lỏng từ vệ sinh dụng cụ y tế,.....

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông ra vào Dự án, hoạt động của máy phát điện dự phòng, trạm bơm, trạm xử lý nước thải phát sinh tiếng ồn, độ rung, có khả năng ảnh hưởng đến các khu biệt thự, dịch vụ du lịch, trường học, trạm y tế trong khu vực Dự án.

3.2.4. Các tác động khác

Sự cố vận hành các trạm xử lý nước thải; sự cố tai nạn lao động; sự cố sụt lún, nứt vỡ các đường ống cấp, thoát nước; sự cố tắc nghẽn rác, bùn, cát trong đường ống thoát nước; sự cố cháy nổ; sự cố giao thông; sự cố do thời tiết bất thường.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Nước thải rửa xe, vệ sinh máy móc, thiết bị thi công: Thu gom nước thải về hố lắng 02 ngăn tại khu vực cầu rửa xe để tách dầu mỡ, lắng cặn; nước sau xử lý được tuần hoàn, tái sử dụng cho hoạt động rửa phương tiện phục vụ thi công, không xả ra môi trường. Váng dầu phát sinh được thu gom, quản lý và xử lý cùng chất thải nguy hại; bùn, cát lắng được thu gom và quản lý, xử lý theo quy định đối với chất thải rắn thông thường.

Quy trình thu gom, xử lý: Nước thải thi công/nước thải rửa xe → rãnh thoát nước → hố lắng (bố trí gói thấm dầu) → Tuần hoàn để rửa xe, không xả ra ngoài môi trường .

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí 10 nhà vệ sinh di động, định kỳ thu gom, vận chuyển về Trạm xử lý nước thải tập trung số 02 thuộc dự án Vinpearl Golf and resort & Villas nằm phía Tây đảo Hòn Tre (do Công ty Cổ phần Vinpearl là chủ đầu tư) để xử lý.

- Nước mưa chảy tràn: bố trí các hệ thống song chắn rác và các hố ga lắng đất cát có kích thước 2 x 1m x sâu 1,5m tại khu vực thi công tiếp giáp với biển; định kỳ nạo vét, bùn đất được xử lý cùng đất, đá thải của Dự án.

Quy trình: Nước mưa chảy tràn → song chắn rác → Hố lắng 1 → Hố lắng 2 → Hố lắng 3 → Thoát ra môi trường

b) Giai đoạn vận hành:

Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh của Dự án khoảng 850 m³/ngày, được thu gom, xử lý sơ bộ theo từng nguồn thải được dẫn qua hệ thống cống, đường ống áp lực và các trạm bơm chuyển bậc đưa về Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 850 m³/ngày của Dự án. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (Bảng 1, Mức A, $F \leq 2.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$) trước khi xả ra biển (vị trí xả thải có tọa độ X(m) = 1352674; Y (m) = 612615 theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108°15' múi chiều 3°) và đạt QCVN 08:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (Bảng 2, cột B) được tái sử dụng để tưới cây, rửa đường.

Quy trình thu gom, xử lý: Nước thải sinh hoạt → Xử lý sơ bộ theo từng nguồn thải → Hệ thống cống thu gom → Các trạm bơm chuyển bậc → Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 850 m³/ngày.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Lắp đặt hàng rào tôn cao tối thiểu 2,0 m xung quanh khu vực thi công; sử dụng lưới chống bụi đối với công trình cao tầng; che phủ phương tiện vận chuyển và bãi tập kết đất, đá thải; bố trí 01 hệ thống rửa phương tiện, bảo đảm phương tiện được làm sạch trước khi ra khỏi công trường.

- Thường xuyên thu dọn vật liệu rơi vãi; phun nước giảm bụi trên các tuyến vận chuyển tối thiểu 02 lần/ngày và khu vực đào đắp 03 lần/ngày vào những ngày không mưa, tăng tần suất vào mùa khô.

- Thi công cuốn chiếu; sử dụng phương tiện, thiết bị bảo đảm yêu cầu kỹ thuật và nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; che chắn khi làm sạch bề mặt công trình và sử dụng thiết bị chà nhám có bộ phận hút, thu gom bụi.

- Lắp đặt hệ thống phun sương, vòi phun nước áp lực tại các băng chuyền, hàm nghiền của trạm nghiền sàng.

b) Giai đoạn vận hành:

- Trồng cây xanh; thường xuyên vệ sinh, tưới nước đường nội bộ; bố trí hệ thống tưới tại các khu vực cây xanh, bãi cỏ, vườn hoa.

- Hố ga được đậy kín, định kỳ nạo vét; trạm bơm nước thải được xây dựng kín và bố trí hệ thống thông gió; khu vực thu gom, tập kết chất thải được vệ sinh,

khử mùi thường xuyên.

- Thu gom khí, mùi phát sinh từ trạm xử lý nước thải bằng quạt hút tạo áp suất âm công suất 3.500 m³/giờ, xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT (Bảng 1, Mức B) trước khi xả ra môi trường.

Quy trình xử lý: Khí thải, mùi → Quạt hút → Tháp hấp thụ NaOH kết hợp NaOCl → Tắm tách ẩm → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Ống thải.

- Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo đúng quy định; máy phát điện dự phòng sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp và được bố trí tại khu vực phù hợp.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thùng rác có nắp đậy tại khu lán trại của công nhân; tập kết tại kho lưu giữ tạm diện tích 12 m² tại khu đất phía Nam Dự án; chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý hàng ngày.

- Đất, đá thải: Tập kết tạm tại khu đất có diện tích khoảng 5.000 m² phía Nam Dự án (có bố trí rãnh thu gom nước mưa và hố lắng để giảm thiểu tác động rửa trôi) và vận chuyển ra khỏi Dự án trong thời gian thi công san nền; việc quản lý, vận chuyển và sử dụng đất, đá thải thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan.

- Chất thải xây dựng: Chất thải có khả năng tái sử dụng được phân loại, lưu giữ tại bãi tạm diện tích khoảng 2.000 m² để tận dụng san nền; phế liệu có khả năng tái chế được thu gom riêng; chất thải không thể tái sử dụng, tái chế được tập kết và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

- Bùn từ hệ thống thoát nước mưa: Định kỳ nạo vét, thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành:

- Phân loại chất thải rắn tại nguồn; bố trí thùng chứa 03 ngăn, dung tích 20 lít/ngăn tại khu biệt thự, dịch vụ du lịch và khu vực công cộng; đối với đường giao thông, bãi đỗ xe, bố trí các thùng cách nhau khoảng 150 - 300 m.

- Bùn từ hệ thống thoát nước mưa, nước thải và bể tự hoại được định kỳ thu gom, chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý; chất thải từ chăm sóc cây xanh được thu gom, xử lý khi phát sinh.

- Bố trí 01 điểm tập kết chất thải rắn thông thường diện tích 120 m² tại lô HTKT-2; chất thải được chuyển giao hàng ngày cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Chất thải nguy hại được phân loại, thu gom vào các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích 120 lít; lưu giữ tại 01 khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại diện tích khoảng 20 m² trong khu vực công trường và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại được phân loại, thu gom vào các thùng chứa riêng biệt, có nắp đậy; lưu giữ tại 01 kho chất thải nguy hại diện tích 15 m² tại lô HTKT-2, bảo đảm yêu cầu kỹ thuật về lưu giữ chất thải nguy hại; định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Hoạt động nổ mìn phải do đơn vị có đủ chức năng thực hiện; tuân thủ quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, bảo đảm khoảng cách an toàn khi nổ mìn.

- Sử dụng máy móc, thiết bị bảo đảm yêu cầu kỹ thuật; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng; lắp đặt thiết bị giảm thanh, giảm rung đối với các thiết bị có mức ồn, rung cao; hạn chế vận hành đồng thời các thiết bị gây tiếng ồn, rung lớn.

- Không vận hành máy móc, thiết bị có độ ồn cao trong khoảng thời gian từ 11 giờ 30 phút đến 13 giờ 30 phút và từ 22 giờ 00 phút đến 06 giờ 00 phút; bảo đảm tiếng ồn, độ rung không vượt quy chuẩn cho phép.

- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động cho người lao động theo quy định; bảo đảm tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình thi công đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng.

b) Giai đoạn vận hành

- Quy định tốc độ phương tiện trên các tuyến đường nội bộ; trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án theo quy hoạch được phê duyệt.

- Máy phát điện dự phòng được bố trí trong phòng cách âm, lắp đặt trên móng bê tông và đệm giảm chấn; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Thiết kế, thi công đồng bộ hệ thống thoát nước; bố trí hố lắng dọc rãnh thoát nước, định kỳ nạo vét; không để nước mưa, nước thải thi công tác động trực tiếp đến khu vực có rạn san hô.

- Khoanh định, bảo vệ nguyên trạng rừng tự nhiên; không thi công vào ban đêm và không để công nhân xâm nhập khu vực rừng tự nhiên.

- Theo dõi, giám sát nguy cơ sạt lở, sụt lún; gia cố mái taluy bằng các giải pháp phù hợp; thường xuyên kiểm tra, khơi thông hệ thống thoát nước, đặc biệt trước, trong và sau mùa mưa bão.

- Bố trí 02 vòng phao nổi cách bờ biển Dự án khoảng 10 m và 50 m để hạn chế phát tán chất lơ lửng, dầu mỡ ra môi trường biển.

- Trường hợp xảy ra sạt lở hoặc có tác động xấu đến chất lượng nước biển ven bờ, hệ sinh thái Khu bảo tồn biển Vịnh Nha Trang, dừng ngay hoạt động thi công có liên quan, báo cáo cơ quan có thẩm quyền và thực hiện biện pháp khắc phục.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy, nổ, tai nạn lao động; tập huấn an toàn và trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động.

b) Giai đoạn vận hành

- Sự cố hệ thống thu gom, xử lý nước thải: Thường xuyên kiểm tra, nạo vét hệ thống; trang bị bơm và nguồn điện dự phòng. Khi xảy ra sự cố, cô lập công trình, thiết bị gặp sự cố, sử dụng thiết bị hoặc dây chuyền dự phòng; nước thải được lưu giữ tại bể điều hòa có khả năng lưu chứa trên 10 giờ, không xả nước thải chưa đạt quy chuẩn ra môi trường.

- Trường hợp sự cố kéo dài trên 10 giờ, thực hiện giảm hoặc ngừng các hoạt động phát sinh nhiều nước thải, ngừng tiếp nhận nước thải về trạm xử lý khi cần thiết và tổ chức khắc phục sự cố, bảo đảm không xả nước thải chưa xử lý đạt quy chuẩn ra môi trường.

- Sự cố kho chất thải nguy hại: Phân khu lưu giữ phù hợp, bảo đảm an toàn, phòng ngừa rò rỉ, cháy, nổ và trang bị biển cảnh báo theo quy định.

4.4.2. Các công trình, biện pháp khác

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Thi công cuốn chiếu theo từng khu vực; thường xuyên vệ sinh mặt bằng; tập kết nguyên vật liệu theo tiến độ, có che chắn và không tập kết sát bờ biển; ưu tiên phát quang, san nền vào mùa khô.

- Tổ chức, phân luồng giao thông đường bộ, đường thủy; bố trí hàng rào, biển báo, biển cảnh báo và đường tạm khi cần thiết; bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình thi công.

- Hạn chế tối đa phạm vi san nền, khối lượng đào đắp; bố trí rào chắn tại khu vực thi công gần biển; theo dõi nguy cơ bồi lắng, xói lở, chất lượng nước biển ven bờ và hệ sinh thái san hô.

- Trường hợp có dấu hiệu tác động xấu đến chất lượng nước biển, hệ sinh thái Khu bảo tồn biển Vịnh Nha Trang, tạm dừng hoạt động thi công có liên quan;

báo cáo cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác định nguyên nhân và thực hiện biện pháp khắc phục.

- Bảo đảm an ninh, trật tự và an toàn giao thông; không vận chuyển quá tải, để rơi vãi vật liệu; sửa chữa các tuyến đường bị hư hỏng do hoạt động của Dự án.

- Sau khi hoàn thành thi công, thực hiện dọn dẹp, cải tạo, phục hồi môi trường, bảo đảm cảnh quan, vệ sinh môi trường và khả năng thoát nước.

b) Giai đoạn vận hành

- Hệ thống thoát nước mưa được tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải. Nước mưa được thu gom theo 03 lưu vực, dẫn qua hệ thống cống, mương và thoát ra biển qua 03 cửa xả, xây dựng cửa xả tràn của hồ Bãi Rạn; định kỳ nạo vét hệ thống, bảo đảm khả năng tiêu thoát nước.

Quy trình thoát ra biển: Nước mưa → Hệ thống thu gom → Hồ ga lắng → Hồ ga chuyển bậc → Hồ tiêu năng → Cửa xả → Hồ ga xả tràn (đối với cửa xả gần khu vực san hô) → Biển.

Quy trình thoát vào hồ Bãi Rạn: Nước mưa → Hệ thống thu gom → Hồ ga lắng → Hồ ga chuyển bậc → Cửa xả → Hồ Bãi Rạn.

- Phối hợp với cơ quan chuyên môn và Ban Quản lý Vịnh Nha Trang định kỳ giám sát hệ sinh thái rạn san hô; kịp thời phát hiện, khắc phục các tác động bất lợi do Dự án gây ra.

- Tuyên truyền, hướng dẫn cán bộ, người lao động và du khách bảo vệ hệ sinh thái biển; nghiêm cấm xả rác, nước thải xuống biển; khoanh vùng, cấm móc, cờ hiệu tại khu vực có rạn san hô để hạn chế tác động.

- Tuân thủ quy định về bảo tồn đa dạng sinh học; chỉ sử dụng giống cây trồng, vật nuôi, hóa chất và thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, lưu hành.

- Xây dựng nội quy khu du lịch theo hướng hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, giảm thiểu chất thải nhựa phát sinh.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Chủ dự án có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình quản lý môi trường chi tiết của Dự án, bảo đảm triển khai đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nêu tại Mục 4 của Quyết định này, đồng thời tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trước khi triển khai thực hiện Dự án.

5.2. Giám sát môi trường

5.2.1. Giai đoạn thi công

a) Giám sát môi trường không khí, tiếng ồn, độ rung

- Vị trí giám sát: 03 vị trí (01 vị trí tại cổng ra vào của công trường phía Bắc

dự án; 01 vị trí tại cống ra vào công trường phía Tây dự án; 01 vị trí giáp ranh khu Vinpearl Golfland Resort & Villas).

- Thông số giám sát: TSP, tiếng ồn, độ rung, SO₂, CO, NO₂.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

b) Giám sát chất lượng nước biển

- Vị trí giám sát: 04 vị trí (01 vị trí tại điểm dự kiến cửa xả thoát nước mưa số 4 của dự án; 01 vị trí tại điểm dự kiến cửa xả thoát nước mưa số 5 của dự án; 01 vị trí tại điểm dự kiến cửa xả thoát nước mưa số 6 của dự án; 01 vị trí tại điểm dự kiến cửa xả nước thải của dự án ở phía Bắc Dự án).

- Thông số giám sát: độ đục, bồi lắng, pH, DO, TSS, tổng Hydrocarbon gốc dầu (TPH), amoni, phosphat, F⁻, CN⁻, As, Cd, Pb, Cr⁶⁺, tổng Crom, Cu, Zn, Mn, Fe, Hg, dầu mỡ khoáng, tổng Phenol, tổng Coliform.

- Tần suất giám sát: 01 tháng/lần (riêng chỉ tiêu TSS thực hiện giám sát 01 tuần/lần trong giai đoạn thi công xây dựng). Thực hiện giám sát sau mưa lớn và trong thời gian san nền cao điểm.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 10:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển - vùng biển ven bờ.

c) Giám sát chất lượng nước hồ Bãi Rạn

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm dự kiến cửa xả thoát nước mưa số 02 của dự án.

- Thông số giám sát: pH, DO, TSS, BOD₅, COD, Amoni, Clorua, NO₂⁻, Sắt, tổng P, tổng N, TOC, Mn, Asen, Pb, Cu, Zn, Cd, tổng Cr, tổng Coliforms, tổng dầu mỡ, Clorua, benzene. Giám sát mực nước, bồi lắng, xói lở bờ, mái dốc, an toàn đập và cửa tràn hồ Bãi Rạn

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần, đồng thời giám sát sau mưa lớn và trong thời gian san nền cao điểm.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (mức A, Bảng 3 - Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước hồ, ao, đầm và bảo vệ môi trường sống dưới nước và Bảng 1 - Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người).

d) Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt,

chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

e) Giám sát đa dạng sinh học

- Vị trí giám sát: 02 vị trí (01 vị trí tại khu vực xuất hiện san hô khu vực Bãi Rạn; 01 vị trí tại khu vực xuất hiện san hô khu vực Mũi Cỏ).s

- Thông số giám sát: mật độ (độ phủ) của san hô, cá rạn san hô và động vật đáy không xương sống kích thước lớn hơn rạn.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/ lần, đồng thời, giám sát sau mưa lớn và trong thời gian san nền cao điểm.

5.2.2. Giai đoạn vận hành

a) Giám sát nước thải định kỳ

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại cửa xả nước thải của dự án trước khi chảy ra biển.

- Thông số giám sát: lưu lượng nước thải, lưu lượng nước tái sử dụng, pH, BOD₅, COD (hoặc TOC), TSS, Amoni (NH₄⁺ theo N), Nitrat (NO₃⁻ theo N), tổng Phốt pho (TP), Sunfua (S²⁻), chất hoạt động bề mặt, Dầu mỡ động thực vật, tổng coliforms

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (Bảng 1 - Mức A – F ≤ 2000m³/ngđ) và QCVN 08:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (Bảng 2, cột B) khi tái sử dụng để tưới cây, rửa đường.

b) Giám sát chất lượng nước biển

- Vị trí giám sát: 04 vị trí (01 vị trí tại cửa xả thoát nước mưa số 4 của dự án; 01 vị trí tại cửa xả thoát nước mưa số 5 của dự án; 01 vị trí tại cửa xả thoát nước mưa số 6 của dự án; 01 vị trí tại cửa xả nước thải của dự án ở phía Bắc Dự án).

- Thông số giám sát: pH, DO, TSS, tổng Hydrocarbon gốc dầu (TPH), amoni, phosphat, F⁻, CN⁻, As, Cd, Pb, Cr⁶⁺, tổng Crom, Cu, Zn, Mn, Fe, Hg, dầu mỡ khoáng, tổng Phenol, tổng Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 10:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển - vùng biển ven bờ.

c) Giám sát chất lượng nước hồ Bãi Rạn

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại cửa xả thoát nước mưa số 02 của dự án.
- Thông số giám sát: pH, DO, TSS, BOD₅, COD, Amoni, Clorua, NO₂⁻, Sắt, Tổng P, Tổng N, TOC, Mn, Asen, Pb, Cu, Zn, Cd, tổng Cr, Tổng Coliforms, tổng dầu mỡ, Clorua, benzene.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (mức A, Bảng 3 - Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước hồ, ao, đầm và bảo vệ môi trường sống dưới nước và Bảng 1 - Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người).

d) Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.
- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

e) Giám sát đa dạng sinh học

- Vị trí giám sát: 02 vị trí (01 vị trí tại khu vực xuất hiện san hô khu vực Bãi Rạn; 01 vị trí tại khu vực xuất hiện san hô khu vực Mũi Cỏ);
- Thông số giám sát: mật độ (độ phủ) của san hô, cá rạn san hô và động vật đáy không xương sống kích thước lớn hơn rạn.
- Tần suất giám sát: 2 năm/lần.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Khoanh định chính xác ranh giới Dự án theo hồ sơ được phê duyệt; chỉ triển khai thi công xây dựng các hạng mục công trình sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục pháp lý có liên quan và đáp ứng các điều kiện triển khai theo quy định của pháp luật.

- Tuân thủ quy định về quản lý, bảo vệ danh lam thắng cảnh quốc gia Vịnh Nha Trang và thực hiện đầy đủ các yêu cầu có liên quan tại Văn bản số 2874/BVHTTDL-DSVH ngày 20/6/2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Thực hiện các thủ tục về di sản văn hóa trước khi triển khai xây dựng theo quy định.

- Tuân thủ pháp luật về lâm nghiệp, thủy sản, bảo tồn đa dạng sinh học và các quy định có liên quan; xác định chính xác diện tích, hiện trạng, loại và nguồn

gốc rừng trong phạm vi Dự án; hoàn thành đầy đủ các thủ tục về lâm nghiệp đối với diện tích có rừng trước khi thực hiện hoạt động có tác động đến rừng; không tác động đến rừng tự nhiên khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép; không thực hiện các hoạt động làm suy giảm hệ sinh thái, sinh cảnh tự nhiên và các loài động vật, thực vật hoang dã thuộc đối tượng được bảo vệ theo quy định.

- Bảo vệ cảnh quan, môi trường và hệ sinh thái Vịnh Nha Trang; không đổ đất, đá, cát, chất thải để lấn biển; hạn chế tối đa đào, đắp, san gạt làm biến đổi địa hình tự nhiên; không để đất, đá, bùn, chất thải và nước thải không đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường phát tán vào Vịnh Nha Trang.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công phù hợp để kiểm soát bụi, khí thải, nước thải, chất thải rắn, tiếng ồn, độ rung và nước mưa chảy tràn; phòng ngừa ngập úng, xói mòn, sạt lở và phát tán bùn đất; không để hoạt động của Dự án gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, cảnh quan, hệ sinh thái biển.

- Bố trí đầy đủ công trình, thiết bị và khu vực thu gom, phân loại, lưu giữ chất thải; thực hiện việc vận chuyển, chuyển giao và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định; không để chất thải phát tán hoặc xâm nhập vào hệ thống thoát nước và môi trường biển.

- Xây dựng và thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với từng giai đoạn của Dự án; bố trí đầy đủ nhân lực, thiết bị, vật tư phục vụ ứng phó. Khi xảy ra sự cố phải kịp thời dừng hoạt động có nguy cơ gây sự cố, tổ chức ứng phó, thông báo và phối hợp với UBND phường Nha Trang, Sở Nông nghiệp và Môi trường để xử lý; thực hiện khắc phục ô nhiễm, phục hồi môi trường và bồi thường thiệt hại theo quy định.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp nhằm hạn chế tác động đến cảnh quan, môi trường; kiểm soát chặt chẽ phạm vi thi công, không để các hoạt động thi công gây ảnh hưởng đến khu vực ngoài phạm vi Dự án.

- Thực hiện thủ tục theo quy định pháp luật về địa chất khoáng sản đối với việc thu hồi đất, đá dôi dư trong quá trình thi công dự án.

- Thực hiện đầy đủ chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã được phê duyệt và nội dung cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; cập nhật, lưu giữ kết quả giám sát, quan trắc và hồ sơ liên quan phục vụ công tác quản lý, kiểm tra.

- Tháo dỡ công trình tạm sau khi kết thúc nhu cầu sử dụng; thu dọn chất thải, hoàn trả mặt bằng, phục hồi cảnh quan và môi trường tại khu vực tạm chiếm dụng; sửa chữa, hoàn trả hoặc cải tạo các công trình hạ tầng bị ảnh hưởng bởi Dự án.

- Chỉ sử dụng giống cây trồng, vật nuôi, thuốc bảo vệ thực vật và hóa chất được phép sử dụng, lưu hành tại Việt Nam; không khai thác, sử dụng, mua bán, vận chuyển trái quy định các loài động vật, thực vật hoang dã thuộc đối tượng được bảo vệ.

- Chủ động phối hợp với Ban Quản lý Vịnh Nha Trang, UBND phường Nha Trang trong việc bảo vệ cảnh quan, môi trường, đa dạng sinh học và hệ sinh thái Vịnh Nha Trang; gửi kế hoạch triển khai Dự án cho UBND phường Nha Trang và Ban Quản lý Vịnh Nha Trang để phối hợp theo dõi, kiểm tra, giám sát.

- Tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước, lâm nghiệp, thủy sản, đa dạng sinh học, di sản văn hóa, tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, đất đai, xây dựng, địa chất và khoáng sản, phòng cháy và chữa cháy, an toàn lao động trong quá trình triển khai Dự án.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của thông tin, số liệu và tài liệu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường; thực hiện đầy đủ các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường tại quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật./.